

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/11/2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Ký

2. Ông Ngô Thanh Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết, thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1994;

Nơi ĐKTT: Khu phố M , phường X , thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Hiện trú tại: CS, CM, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố M , phường X , thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2019, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N (chị N) trình bày: Tôi và anh Phạm Văn P (anh P) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X , thị xã C, tỉnh Phú Yên ngày 01/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi và anh P không còn hợp nhau. Từ tháng 11/2018 cho đến nay tôi và anh P đã sống ly thân, tôi đưa con về nhà cha mẹ tôi tại Đắk Lắk sinh sống. Trong thời gian ly thân, vợ chồng bỏ mặc nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tôi thấy tôi và anh P tình cảm không còn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên tôi yêu cầu tòa giải quyết cho tôi được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung tên Phạm Đăng K , sinh ngày 19/9/2012. Hiện cháu đang sống cùng tôi. Ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định P luật.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn anh P; được nuôi dưỡng con chung nhưng thay đổi yêu cầu không buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục P luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N. Chị N đối với anh P. Về con chung, giao cháu Phạm Đăng K , sinh ngày 19/9/2012 cho chị N nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh Phạm Văn P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên tòa không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh P thường trú tại khu phố M , phường X , thị xã C, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân thị xã C. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh P, chị N có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường X vào ngày 01/02/2012 đúng với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp P. Theo lời nguyên đơn chị N trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống, vợ chồng anh chị không còn hợp nhau nên từ tháng 8/2018 cho đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân. Chị đưa con về nhà cha mẹ đẻ ở tỉnh Đắk Lắk sinh sống, anh P sống cùng cha mẹ tại khu phố M, phường X, thị xã C. Trong thời gian ly thân, vợ chồng anh chị bỏ mặc nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị N xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, tại phiên tòa vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Tại Biên bản lấy lời khai bà Trần Thị Gái – mẹ của anh P (BL19), bà Gái cũng xác nhận “...ngày 22/10/2018 N đưa con trai của N và P bỏ đi, không sống cùng v/c tôi và P nữa. Từ đó đến nay, N không đưa con về thăm nhà. Gia đình tôi và con tôi Phạm Văn P cũng không lui tới, thăm nom nhau. P hiện nay đi làm ở TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Tôi có thông báo cho P biết việc tòa mời P tới giải quyết ly hôn nhưng P không về. Bản thân tôi cũng nhiều lần khuyên P về đoàn tụ với N nhưng P không đồng ý”. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị N, anh P không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị N.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng chị N, anh P có 01 con chung tên Phạm Đăng K (Khoa), sinh ngày 19/9/2012. Từ thời điểm anh P và chị N sống ly thân cho đến nay, con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, bản thân cháu Khoa cũng có nguyện vọng được sống cùng chị N. Xét yêu cầu của chị N yêu cầu được trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Đăng K và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định P luật và nguyện vọng của cháu Khoa nên HĐXX chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định P luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn anh Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Đăng K , sinh ngày 19/9/2012 cho chị Nguyễn Thị Kim N nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

4. Án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2015/0006996 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án Nêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TX.Sông Cầu (01);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND phường X , TX.Sông Cầu (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Ngọc Tiên